

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 18 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thúc Giang và ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST - HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1982 tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị X; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án (Tại bản án số 83/2015/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 26 tháng 9 năm 2016 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 12 năm 2017 đến nay, “có mặt”.

- Người làm chứng:

+ Chị Hoàng Thị H.

+ Anh Nguyễn Duy M.

+ Chị Đặng Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, nên khoảng 18 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2017, Trần Văn T đi bộ đi từ nhà ở thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực cổng Trại P thuộc xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để tìm mua ma túy sử dụng. Tại đây, T tìm gặp và hỏi mua được 03 gói ma túy Heroine của một nam giới lạ mặt giới thiệu tên là Hùng với giá 600.000đồng, mua được ma túy T giấu vào túi áo khoác đang mặc trên người để sử dụng dần.

Đến khoảng 20 giờ ngày 18 tháng 12 năm 2017, khi T đang ở nhà bạn gái ở thôn P, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, thì nhận được điện thoại của bạn nghiện mới quen khai tên là A hỏi “*có mang hàng không cầm cho anh ít để chơi*” (T hiểu ý, A hỏi có ma túy không cho A để sử dụng), T trả lời “*em có mang theo ít để sử dụng*”. A và T hẹn gặp nhau ở khu vực quán nước của chị Đặng Thị T1 ở khu đô thị Đ thuộc tổ x, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 33K6 - xxxx đến gặp A. Khi gặp nhau, A rủ T đi ra khu vực sau quán nước để sử dụng ma túy, T đồng ý và lấy ra một lượng ma túy Heroine trong 01 gói ma túy cho vào xi lanh để A sử dụng. Sau khi A sử dụng ma túy xong, cả hai quay vào quán nước ngồi chơi. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, khi cả hai đang ngồi trong quán nước thì tổ công tác Công an thị xã Phúc Yên đang làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện, bắt quả tang T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trong người, còn A bỏ chạy trốn thoát.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ tại túi áo khoác bên phải đang mặc của Trần Văn T 03 gói giấy trắng kẻ ôly, bên trong mỗi gói đều chứa cục bột màu trắng (T khai là ma túy Heroine của T cất giấu để sử dụng), được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1. Ngoài ra, thu giữ 01 điện thoại di động Nokia màu đen và 01 xe mô tô biển kiểm soát 33K6 – xxxx.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Phúc Yên ra Quyết định số 25 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự (PC 54) - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với mẫu vật niêm phong ký hiệu A1.

Tại kết luận giám định số 1558/KLGD ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) là 0,3285g (Không phải ba hai tám năm gam, không kể bao bì), loại Heroin. Hoàn lại mẫu vật sau giám định A1= 0,2260g và toàn bộ bao gói.

Đối với đối tượng tên A, là người mà T khai đã sử dụng ma túy cùng T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 19/CT - VKSPY ngày 21 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên truy tố Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân thị xã Phúc Yên truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Trần Văn T; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18 tháng 12 năm 2017; phù hợp với vật chứng thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại Khu đô thị Đ, thuộc tổ x, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Trần Văn T đã có hành vi tàng trữ 03 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng (trọng lượng) là 0,3285g (Không phẩy ba hai tám năm gam), để sử dụng, thì bị Công an thị xã Phúc Yên phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh được quy định khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội thì hành vi của Trần Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội danh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo cáo

trạng số: 19/CT – VKSPY ngày 21 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là thành khẩn khai báo, nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản. Bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Trần Văn T khai nhận, khoảng 18 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2017, Trần Văn T mua của một nam giới lạ mặt giới thiệu tên là Hùng (không rõ họ, tuổi, địa chỉ) ở khu vực cổng Trại P thuộc xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với giá 600.000đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chưa xác định được đối tượng bán cho T ma túy, vì vậy đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[7] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu, tiêu hủy 0,2260g mẫu và toàn bộ bao gói được Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn lại sau giám định; tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại của T do sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 33K6 – xxxx thu giữ của T khi bắt quả tang. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là do T mượn của chị Trần Thị Vẽ để làm phương tiện đi lại, chị Vẽ không biết việc T sử dụng xe vào mục đích phạm tội. Do vậy ngày 05 tháng 3 năm 2018, cơ quan điều tra đã trả xe cho chị Vẽ là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18 tháng 12 năm 2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 0,2260g (Không phải hai hai sáu không gam) mẫu cùng toàn bộ bao gói được hoàn lại sau giám định; tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Trần Văn T.

(Tất cả vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 23/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên;
- Công an thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà